CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL

Ngày 30/09/2025	11,850 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.8%	**0.4%**	**3.0%**

DT thuần
Q3/25
1,403
tỷ VNĐ
QoQ: ▼19.0| -1.4%
YoY: ▲ 328| 30.5%

LN thuần
Q3/25
8.60
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.70| -23.9%
YoY: ▲ 0.75| 9.5%

LN sau thuế
Q3/25
6.89
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.15| -23.7%
YoY: ▲ 0.68| 11.0%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
1.2%
YoY: +/-▼ 0.2%

ROE (TTM)
Q3/25
8.6%
YoY: +/-▲ 0.3%

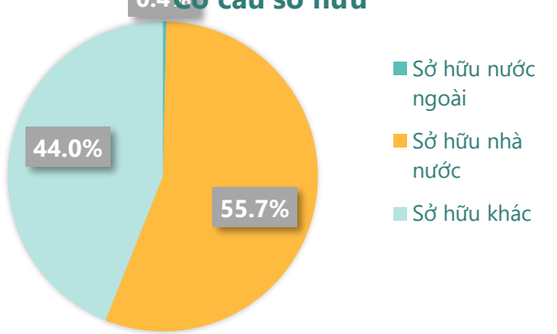
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,004 - 12,715
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	324
Số lượng CPLH (CP)	27,299,999
KLGD BQ 20 phiên (CP)	17,210
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	0.59
EPS	1,250
P/E	9.5

DT thuần
9T 2025
4,019
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,041| 35.0%

LN thuần
9T 2025
29.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.0| 58.4%

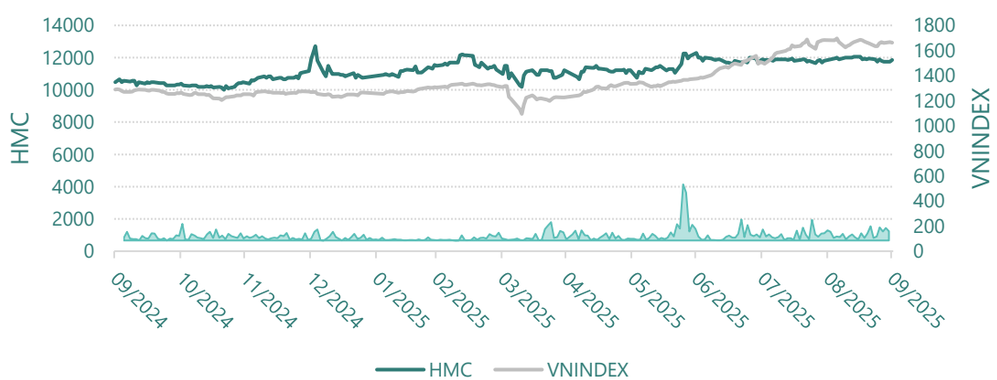
LN sau thuế
9T 2025
23.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.50| 55.2%

Cơ cấu sở hữu

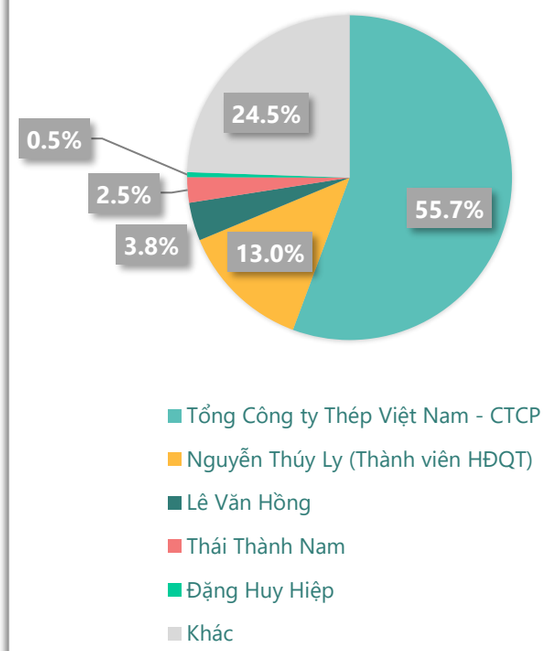


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



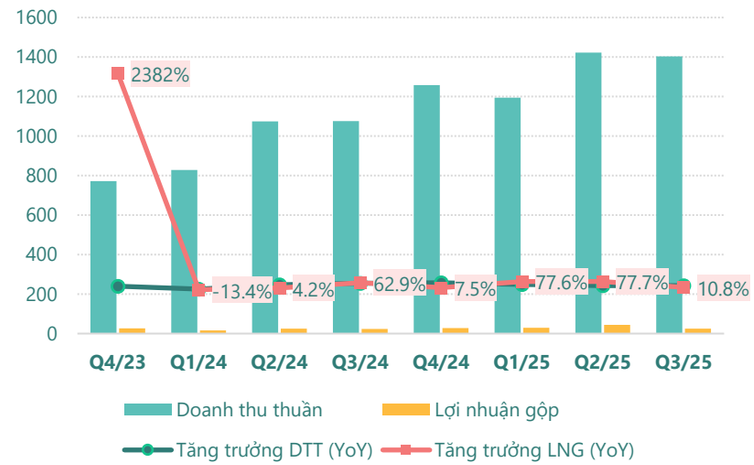
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

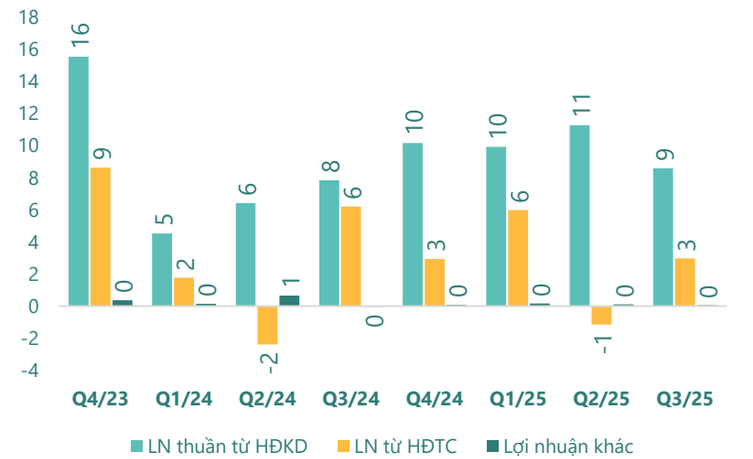
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



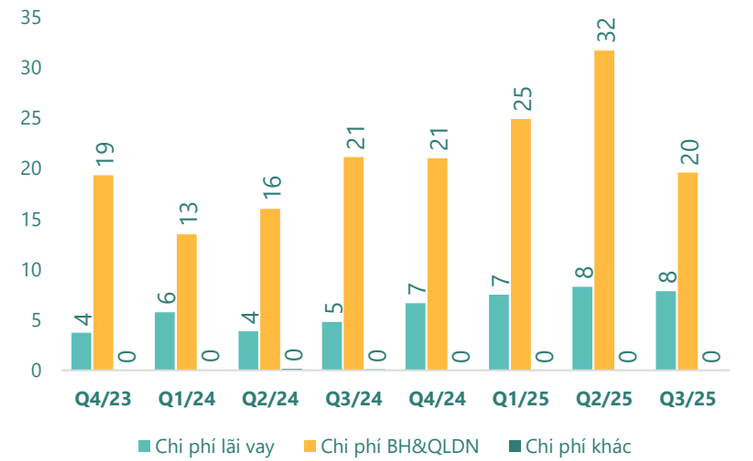
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



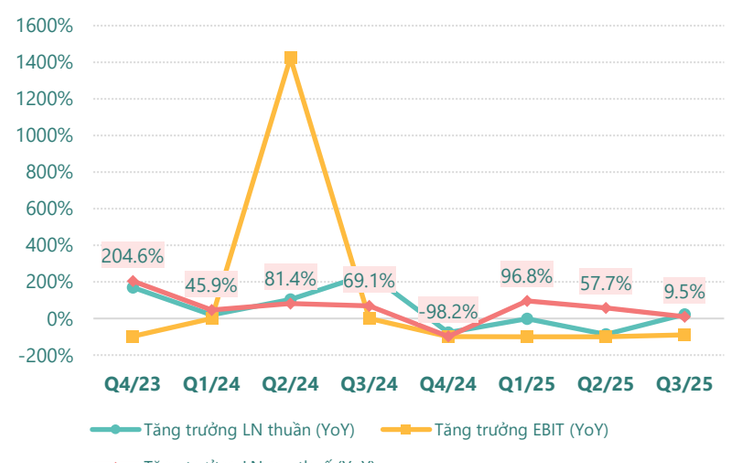
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



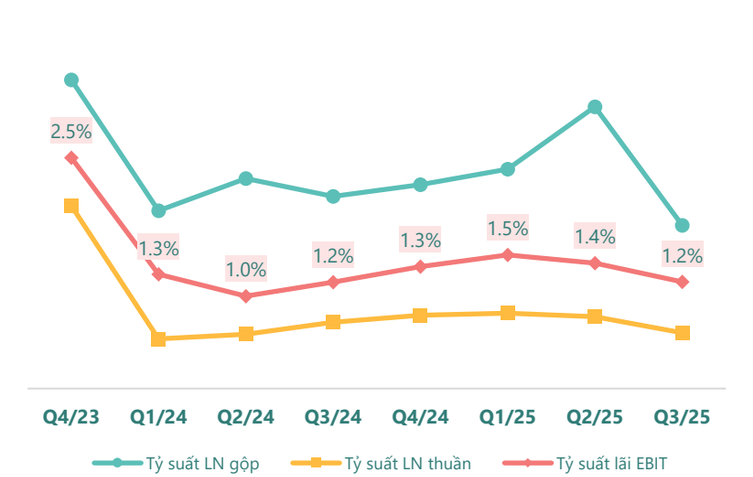
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



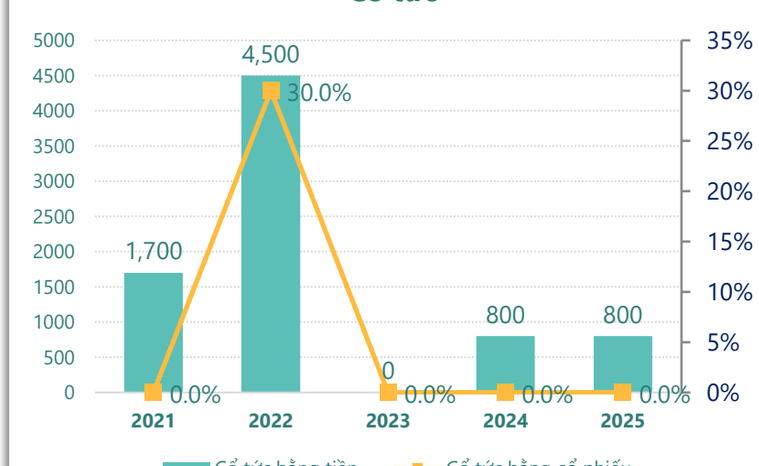
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

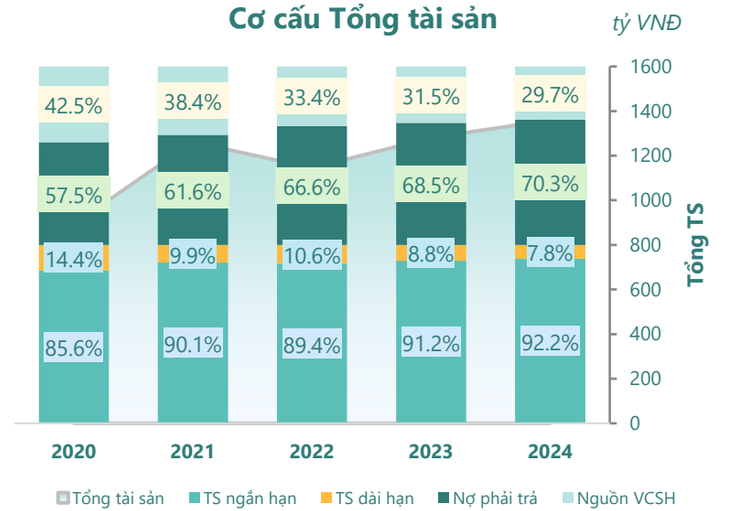
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

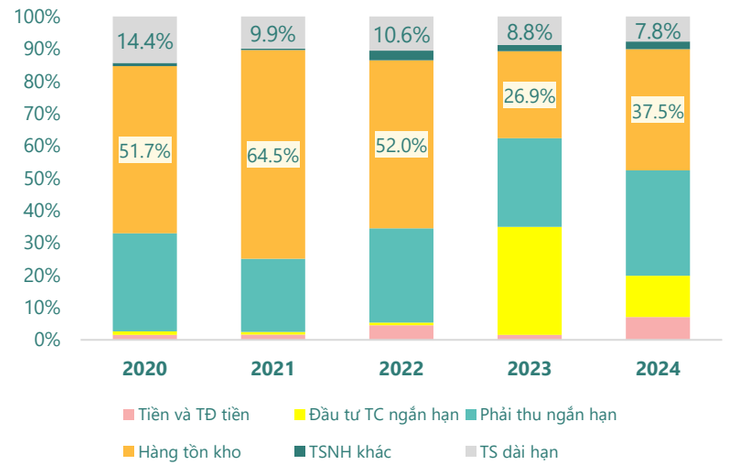
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



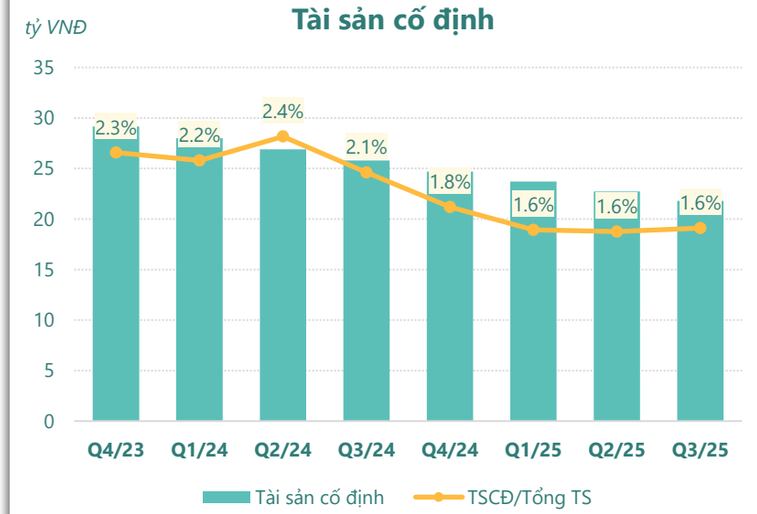
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



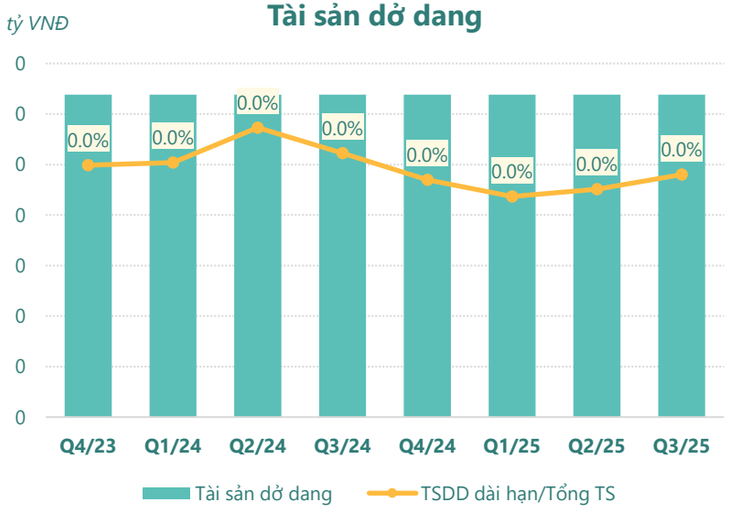
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



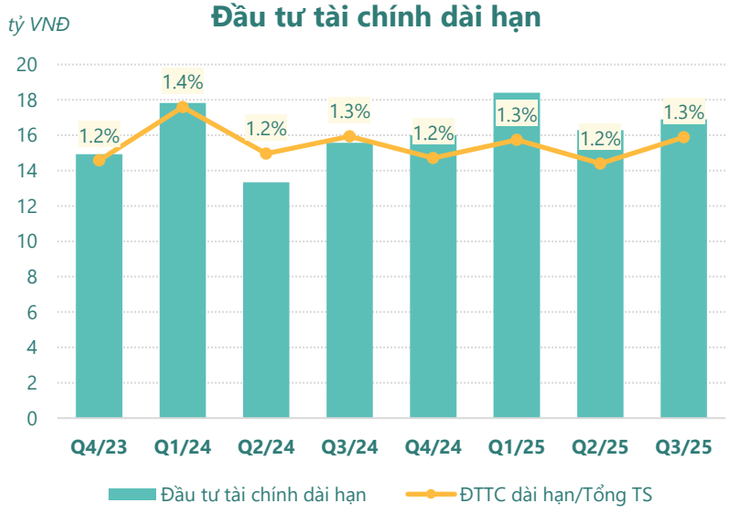
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



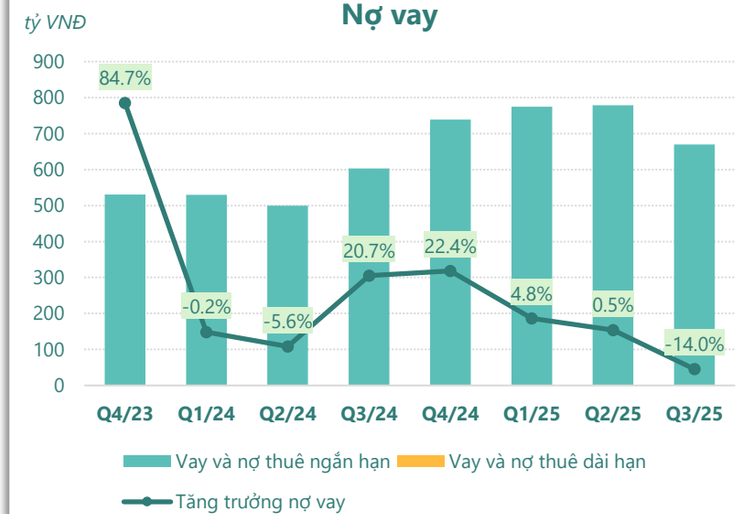
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

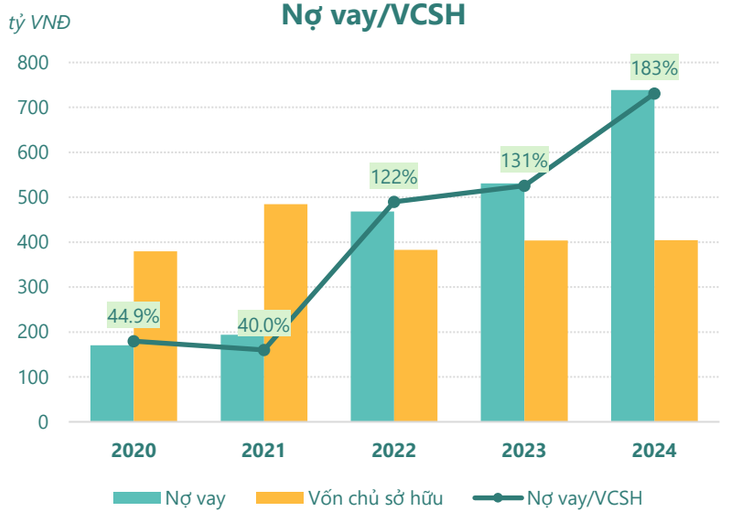
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

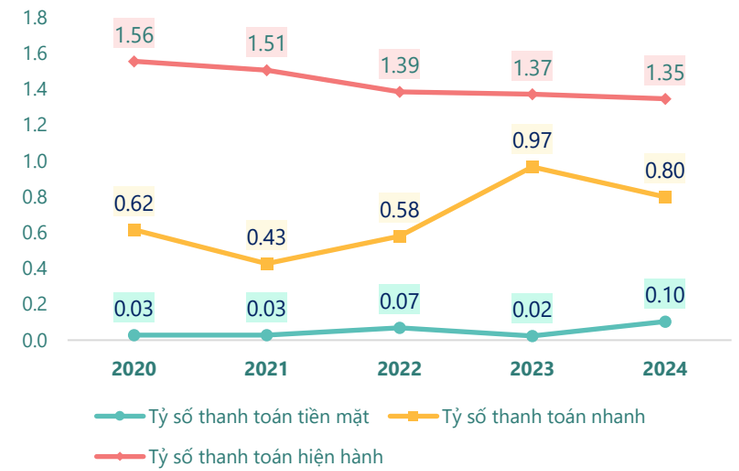
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



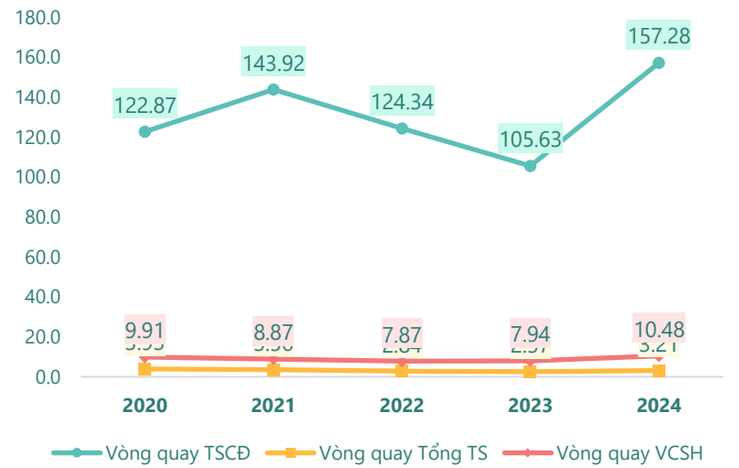
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



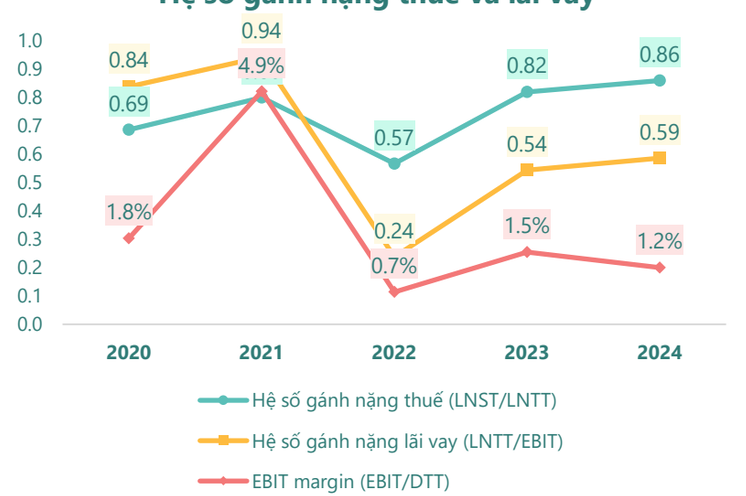
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



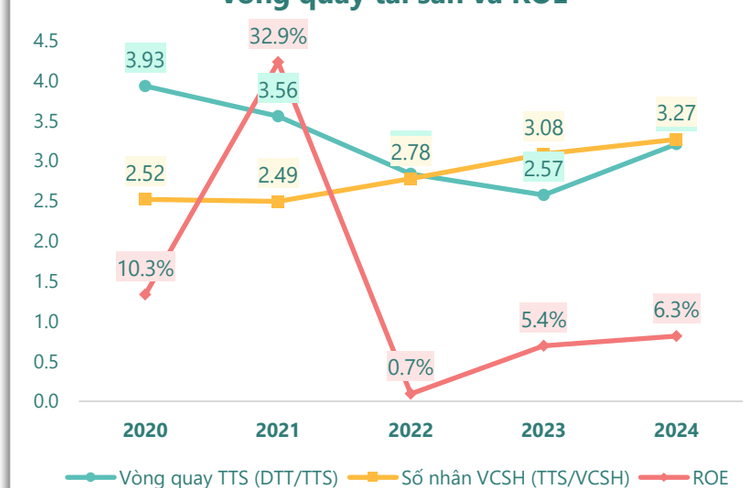
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



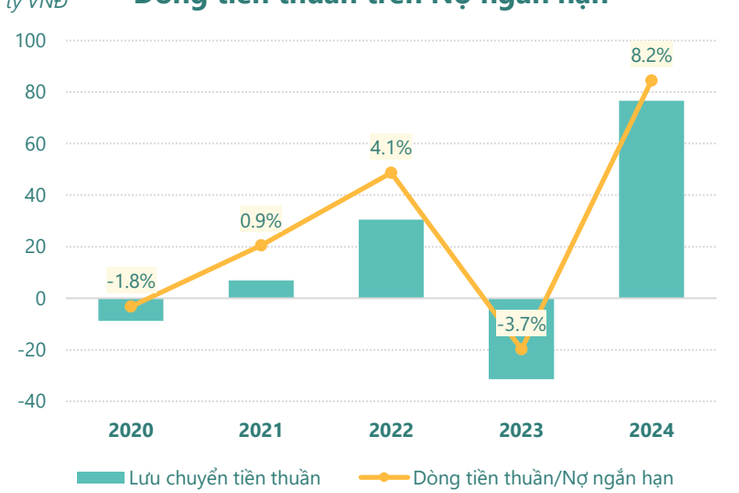
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,403**	**1,075**	**30.5%**	**4,019**	**2,978**	**35.0%**
Giá vốn hàng bán	1,377	1,052	30.9%	3,921	2,914	34.6%
Lợi nhuận gộp	25.2	22.8	10.7%	98.3	63.9	53.8%
Doanh thu HĐTC	10.3	8.84	16.2%	30.7	28.0	9.8%
Chi phí TC	7.31	2.62	179%	22.9	22.4	2.4%
Chi phí lãi vay	7.84	4.80	63.3%	23.6	14.4	64.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	14.7	16.4	-10.6%	56.1	36.6	53.3%
Chi phí QLDN	**4.96**	**4.74**	**4.7%**	**20.1**	**14.0**	**43.5%**
LN thuần từ HĐKD	8.60	7.85	9.5%	29.8	18.8	58.4%
Lợi nhuận khác	**0.06**	**-0.04**	**238%**	**0.33**	**0.77**	**-56.6%**
LN trước thuế	8.65	7.81	10.8%	30.1	19.6	53.9%
Lợi nhuận sau thuế	**6.89**	**6.21**	**11.0%**	**23.9**	**15.4**	**55.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**6.89**	**6.21**	**11.0%**	**23.9**	**15.4**	**55.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-99.4	-49.7	-281	-93.8	97.9	169
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	82.8	-3.33	203	-9.92	-71.5	-37.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-29.6	81.6	135	35.8	-17.8	-109
Tiền đầu kỳ	57.1	10.7	39.5	96.6	28.8	37.5
Lưu chuyển tiền thuần	**-46.2**	**28.6**	**57.1**	**-68.0**	**8.67**	**22.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.16	0.14	-0.07	0.21	0.04	-0.03
Tiền cuối kỳ	10.7	39.5	96.6	28.8	37.5	60.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,330**	**1,360**	**-2.2%**
Tài sản ngắn hạn	1,229	1,254	-2.0%
Tiền và tương đương tiền	60.3	96.6	-37.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	302	173	75.1%
Phải thu ngắn hạn	547	444	23.4%
Hàng tồn kho	312	510	-38.8%
Tài sản ngắn hạn khác	7.65	31.5	-75.7%
Tài sản dài hạn	**101**	**106**	**-4.4%**
Phải thu dài hạn	0.06	0.06	0.0%
Tài sản cố định	21.8	24.7	-11.8%
Bất động sản đầu tư	62.4	65.1	-4.1%
Tài sản dở dang	0.01	0.01	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	16.9	15.9	6.1%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	928	955	-2.9%
Nợ ngắn hạn	**902**	**931**	**-3.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	670	739	-9.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	157	169	-7.2%
Nợ dài hạn	26.0	24.2	7.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**402**	**404**	**-0.4%**
Vốn chủ sở hữu	**402**	**404**	**-0.4%**
Vốn điều lệ	273	273	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)